

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
SAO THÁI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3103/2025/CBTT-SJF

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước**  
**Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương

- Mã chứng khoán: SJF

- Địa chỉ: Tầng 8, Tòa SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc,  
Quận Hà Đông, Hà Nội

- Điện thoại liên hệ: (84-24) 33.982.626

Fax: (84-24) 33.982.626

- E-mail:

- Loại công bố thông tin: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Bất thường ☐ Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2024.

- Báo cáo tài chính Mẹ năm 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2025 tại  
đường dẫn <http://stdgroup.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm  
trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC

- Văn bản giải trình

**Người được ủy quyền công bố thông tin**



**BÙI THỊ NGỌC HUYỀN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024**



---

*Tháng 3 năm 2025*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 35

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (sau đây được gọi là “Công ty”) đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Trí Thiện	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Xuân Nam	Thành viên	
Ông Đặng Văn Hoá	Thành viên	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 28/06/2024)
Ông Nguyễn Công Khải	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 28/06/2024)
Ông Yoshiro Komiyama	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28/06/2024)
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28/06/2024)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 16/04/2024)
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 16/04/2024)
Ông Bùi Trung Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 16/04/2024)
Ông Masayuki Takeuchi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Nam	Phó Tổng Giám đốc	

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Minh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên
Bà Đỗ Như Ngọc	Thành viên

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Bùi Thị Ngọc Huyền.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

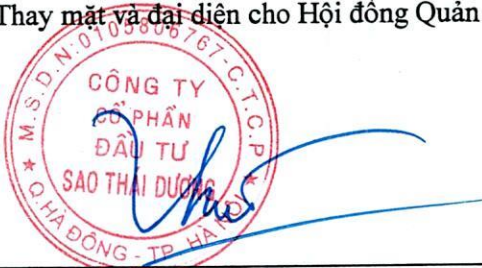
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



**Nguyễn Trí Thiện**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025*



Số: 471/2025/UHY-BCKT

uhy.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 35 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.”

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại ngày 31/12/2024 và 01/01/2024, trong khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Bảng đối kế toán riêng của Công ty bao gồm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona với giá trị thuần bằng không (trong đó giá gốc khoản đầu tư là 147.000.000.000 đồng, giá trị trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư là toàn bộ số tiền này do Công ty đã thực hiện đánh giá thận trọng và cho rằng khoản đầu tư này khó có khả năng thu được lợi ích kinh tế trong tương lai). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá giá trị thuần của khoản đầu tư này có hợp lý hay không cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Tại ngày 31/12/2024, khoản đầu tư vào công ty con Công ty Cổ phần Hạ tầng staBOO Việt Nam với số tiền 200.000.000.000 đồng, chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá về mức độ suy giảm giá trị của khoản đầu tư và các ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán từ chối (Tiếp)

Tại ngày 31/12/2024, trên khoản mục “Phải thu về cho vay ngắn hạn” và “Phải thu ngắn hạn khác” trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty bao gồm khoản cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo đối với Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc với số tiền: 120.800.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2024 số tiền: 163.000.000.000 đồng) và số lãi cho vay phải thu tương ứng đến thời điểm phát hành báo cáo chưa thu được là 28.632.679.452 đồng (tại ngày 01/01/2024 số tiền: 16.685.369.864 đồng). Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở đánh giá giá trị hợp lý cũng như khả năng thu hồi của các khoản cho vay và lãi cho vay còn lại. Do đó, chúng tôi không đánh giá được mức trích lập dự phòng cần thiết và ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Tại ngày 31/12/2024, trên khoản mục “Phải trả dài hạn khác” bao gồm các khoản nhận đặt cọc tiền đất cho dự án xây dựng “Nhà máy sản xuất tấm ván tre OSB Thanh Hóa” và dự án “Phát triển vùng nguyên liệu” với số tiền 9.800.000.000 đồng. Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá về khoản phải trả này và các ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

Trong năm 2024, Doanh thu và giá vốn bán hàng hóa (vật liệu xây dựng) không qua kho của Công ty lần lượt là 37.651.021.000 đồng và 36.967.693.000 đồng chiếm 98,9% tổng doanh thu và 99,9% tổng giá vốn trong năm của Công ty. Số dư các khoản công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán có liên quan tại ngày 31/12/2024 lần lượt là 7.135.243.000 đồng và 9.400.537.380 đồng. Với các tài liệu được cung cấp và các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đưa ra đánh giá về doanh thu, giá vốn đã ghi nhận trong năm 2024, số dư công nợ phải thu, phải trả nêu trên cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

### Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương.



**Bùi Minh Đức**  
Giám đốc kiểm toán  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5586-2021-112-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

**Trần Thanh Tùng**  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4051-2022-112-1



Mẫu số B01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>160.998.658.472</b>	<b>321.683.583.505</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	22.158.344	187.593.979
Tiền	111		22.158.344	187.593.979
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		159.197.219.654	319.550.696.136
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	67.561.152.289	62.098.085.745
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.161.101.736	13.407.556.118
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	120.800.000.000	180.266.296.949
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	29.062.637.484	123.932.526.324
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137		(60.387.671.855)	(60.153.769.000)
Hàng tồn kho	140		607.038.345	582.392.345
Hàng tồn kho	141	11	607.038.345	582.392.345
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.172.242.129	1.362.901.045
Thuế GTGT được khấu trừ	152		922.242.129	1.112.901.045
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	250.000.000	250.000.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>459.669.116.649</b>	<b>263.274.999.424</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	36.537.600
Phải thu dài hạn khác	216	9	-	36.537.600
Tài sản cố định	220		1.362.704.821	2.435.191.171
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.362.704.821	2.435.191.171
- Nguyên giá	222		2.085.327.273	3.472.907.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(722.622.452)	(1.037.716.102)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	450.821.785.845	252.926.993.553
Đầu tư vào công ty con	251		619.120.000.000	419.120.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		147.000.000.000	147.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		198.660.000	198.660.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(315.496.874.155)	(313.391.666.447)
Tài sản dài hạn khác	260		7.484.625.983	7.876.277.100
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	7.484.625.983	7.876.277.100
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>620.667.775.121</b>	<b>584.958.582.929</b>



Mẫu số B01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>117.608.595.697</b>	<b>86.379.850.610</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>21.373.845.697</b>	<b>85.672.500.610</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	10.610.459.527	5.929.809.685
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	1.575.245.210	3.031.748.509
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	148.766	24.049.547
Phải trả người lao động	314		31.549.400	163.410.900
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	2.423.022.817	332.125.169
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	25.619.977	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	6.707.800.000	76.191.356.800
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>96.234.750.000</b>	<b>707.350.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337	19	9.800.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	86.434.750.000	707.350.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>503.059.179.424</b>	<b>498.578.732.319</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>503.059.179.424</b>	<b>498.578.732.319</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		792.000.000.000	792.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		792.000.000.000	792.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(288.940.820.576)	(293.421.267.681)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(293.421.267.681)	11.030.674.183
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.480.447.105	(304.451.941.864)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>620.667.775.121</b>	<b>584.958.582.929</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bùi Thị Ngọc Huyền

Bùi Thị Ngọc Huyền



Nguyễn Trí Thiện

Mẫu số B02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	38.082.593.009	91.552.472.068
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		38.082.593.009	91.552.472.068
Giá vốn hàng bán	11	22	37.002.447.000	90.687.701.064
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	20		1.080.146.009	864.771.004
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	12.879.147.350	17.257.465.050
Chi phí tài chính	22	24	6.690.695.030	289.494.933.917
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.377.087.322	4.007.080.288
Chi phí bán hàng	25	25	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2.510.173.507	33.079.244.001
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.758.424.822	(304.451.941.864)
Thu nhập khác	31	27	46.408.353	-
Chi phí khác	32	28	324.386.070	-
Lợi nhuận khác	40		(277.977.717)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.480.447.105	(304.451.941.864)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.480.447.105	(304.451.941.864)

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

  
Bùi Thị Ngọc Huyền

  
Bùi Thị Ngọc Huyền

  
  
Nguyễn Trí Thiện



Mẫu số B03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>4.480.447.105</b>	<b>(304.451.941.864)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	276.914.703	245.093.759
Các khoản dự phòng	03	2.339.110.563	314.098.942.411
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.208.400.000	1.672.267.718
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(12.925.555.703)	(17.257.465.050)
Chi phí lãi vay	06	2.377.087.322	4.007.080.288
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(1.243.596.010)</b>	<b>(1.686.022.738)</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	109.956.857.970	(73.994.950.801)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(24.646.000)	72.970.036
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	15.578.344.239	(2.494.296.967)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	391.651.117	453.048.200
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(655.219.674)	(3.674.955.119)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>124.003.391.642</b>	<b>(81.324.207.389)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(108.020.000)	(1.290.909.091)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	950.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(94.798.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	59.466.296.949	111.511.703.051
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(200.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	12.760.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.490.422.574	7.699.939.491
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(138.201.300.477)</b>	<b>35.882.733.451</b>

Mẫu số B03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		57.020.000.000	105.847.248.800
Tiền trả nợ gốc vay	34		(42.987.526.800)	(73.038.814.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>14.032.473.200</b>	<b>32.808.433.900</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(165.435.635)</b>	<b>(12.633.040.038)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>187.593.979</b>	<b>12.828.301.735</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(7.667.718)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>22.158.344</b>	<b>187.593.979</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Bùi Thị Ngọc Huyền

Bùi Thị Ngọc Huyền

Nguyễn Trí Thiện



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

Mẫu số B09-DN

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0105806767 ngày 01 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 11 số 0105806767 ngày 15 tháng 07 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 792.000.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi hai tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 08, Toà nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 6 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 9 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại các mặt hàng thiết bị điện tử, phân bón, vật liệu xây dựng và các mặt hàng từ tre.

**1.3 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Trong năm, Công ty tập trung vào hoạt động thương mại hàng hóa (chủ yếu là các mặt hàng vật liệu xây dựng và các mặt hàng từ tre) để tạo lợi nhuận đủ bù đắp chi phí vận hành Công ty. Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận doanh thu bán hàng hóa với số tiền là: 38.082.593.009 đồng với giá vốn tương ứng số tiền là: 37.002.447.000 đồng đem lại lợi nhuận gộp cho Công ty số tiền là: 1.080.146.009 đồng.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

**1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

#### 1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các công ty con tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	Hoà Bình	96,54%	96,54%	Sản xuất các sản phẩm từ tre, trồng rừng và chăm sóc rừng.
Công ty Cổ phần Sunstar Ecotech Việt Nam	Hà Nội	93%	93%	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp.
Công ty Cổ phần Hạ tầng staBoo Việt Nam	Hà Nội	84,75%	84,75%	Đầu tư sản xuất lâm, nông nghiệp, xây dựng, kinh doanh bất động sản

Công ty có công ty liên doanh, liên kết:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona	Hà Nội	49%	49%	Thiết kế nội, ngoại thất, thiết kế kiến trúc, tư vấn dự án, quy hoạch hạ tầng đô thị.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### 2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### 2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

#### 2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1. CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

**3.2. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

**3.4. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào việc đánh giá mức tổn thất để lập dự phòng.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

##### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra

##### ***Đầu tư vào Công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng được chia từ lợi nhuận lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước đây. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

#### **3.6. HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6. HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**3.7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán riêng theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

**3.8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm: khoản phải trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

**3.10. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.11. CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**3.12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả trong kỳ, gồm: chi phí lãi vay ngân hàng
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm.

**3.13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty.
- Quỹ khen thưởng phúc, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**3.14. DOANH THU**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**3.15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,.... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**3.17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**3.18. BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	7.678.940	170.356.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.479.404	17.237.979
<b>Cộng</b>	<b>22.158.344</b>	<b>187.593.979</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, Toà nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2024				01/01/2024			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	(*) VND	%	VND	VND	(*) VND	%
- Đầu tư vào công ty con	619.120.000.000	(168.298.214.155)	(*)		419.120.000.000	(166.193.006.447)	(*)	
+ Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	270.320.000.000	(79.409.832.219)	(*)	96,54%	270.320.000.000	(77.404.399.504)	(*)	96,54%
+ Công ty Cổ phần Sunstar Ecotech Việt Nam	148.800.000.000	(88.888.381.936)	(*)	93%	148.800.000.000	(88.788.606.943)	(*)	93%
+ Công ty Cổ phần Hạ tầng staBOO Việt Nam (1)	200.000.000.000	-	(*)	84,75%	-	-	(*)	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	147.000.000.000	(147.000.000.000)	(*)	49%	147.000.000.000	(147.000.000.000)	(*)	49%
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona (2)	147.000.000.000	(147.000.000.000)	(*)	49%	147.000.000.000	(147.000.000.000)	(*)	49%
- Đầu tư vào đơn vị khác	198.660.000	(198.660.000)	(*)	16%	198.660.000	(198.660.000)	(*)	16%
+ Công ty Cổ phần Jarcel Việt Nam	198.660.000	(198.660.000)	(*)	16%	198.660.000	(198.660.000)	(*)	16%
<b>Cộng</b>	<b>766.318.660.000</b>	<b>(315.496.874.155)</b>			<b>566.318.660.000</b>	<b>(313.391.666.447)</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, toà nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(1) Góp vốn theo Nghị quyết số 1608/2024/NQHĐQT-SJF ngày 16/08/2024 V.v Thông qua phương án góp vốn vào Công ty Cổ phần Hạ tầng staBoo Việt Nam.

(2) Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona đang khó khăn về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thu hồi của khoản đầu tư trong tương lai và chưa biết thời gian nào tình hình kinh doanh và tình hình tài chính sẽ được cải thiện. Để thận trọng, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc quyết định trích lập dự phòng 100% giá trị của khoản đầu tư này từ năm 2023. Trong năm 2024 Công ty đã có nghị quyết về việc thoái vốn đối với khoản đầu tư này.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết thị trường cho các công cụ tài chính này, đồng thời Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, toà nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>67.561.152.289</b>	<b>(59.974.727.855)</b>	<b>62.098.085.745</b>	<b>(59.740.825.000)</b>
- Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	59.740.825.000	(59.740.825.000)	59.740.825.000	(59.740.825.000)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Huy	7.135.243.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Ademax	-	-	745.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển thương mại Thanh Nga Hà Nội	84.922.802	(84.922.802)	785.912.802	-
- Công ty Cổ phần HAWINCO Phúc Minh	148.980.053	(148.980.053)	148.980.053	-
- Phải thu khách hàng khác	451.181.434	-	677.367.890	-
<b>Cộng</b>	<b>67.561.152.289</b>	<b>(59.974.727.855)</b>	<b>62.098.085.745</b>	<b>(59.740.825.000)</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.161.101.736</b>	<b>(50.000.000)</b>	<b>13.407.556.118</b>	<b>(50.000.000)</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hafa	1.798.979.300	-	7.942.269.300	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam	-	-	2.815.203.350	-
- Công ty Cổ phần đầu tư và Thương mại quốc tế Bình Minh Việt	-	-	2.193.110.000	-
- Trả trước cho người bán khác	362.122.436	(50.000.000)	456.973.468	(50.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>2.161.101.736</b>	<b>(50.000.000)</b>	<b>13.407.556.118</b>	<b>(50.000.000)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, toà nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>120.800.000.000</b>	-	<b>180.266.296.949</b>	-
- Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc (*)	120.800.000.000	-	163.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại quốc tế Bình Minh Việt	-	-	1.386.296.949	-
- Bà Khả Thị Thảo	-	-	8.080.000.000	-
- Ông Vi Văn Thạch	-	-	4.000.000.000	-
- Ông Mặc Văn Nhật	-	-	3.800.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>120.800.000.000</b>	-	<b>180.266.296.949</b>	-

(\*) Cho vay theo Hợp đồng số 01/HĐV/STD-CTT ngày 16/12/2021, Phụ lục số 01 ký ngày 16/12/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (Bên A) và Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc (Bên B). Thời gian cho vay 12 tháng kể từ thời điểm ký hợp đồng vay, lãi suất 8%/năm, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Bên A có quyền hoán đổi số tiền cho vay thành vốn góp vào bên B trong trường hợp bên vay tăng vốn điều lệ. Khoản vay được thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 12/2021/NQHĐQT/SJF ngày 15/12/2021.

Theo phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐV/SJF-CTT ngày 01/01/2023 giữa 2 bên, Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (Bên A) đồng ý gia hạn khoản vay cho Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc (Bên B) đến thời điểm 31/12/2024.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, Toà nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Hà Nội

**BAO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>29.062.637.484</b>	<b>(362.944.000)</b>	<b>123.932.526.324</b>	<b>(362.944.000)</b>
- Phải thu khác	29.026.099.484	(362.944.000)	33.744.104.352	(362.944.000)
+ Lãi tiền gửi, cho vay (*)	28.655.709.559	-	18.190.757.055	-
+ Bà Nguyễn Thị Tuyền	-	-	10.140.000.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Thu Phương	-	-	5.000.000.000	-
+ Phải thu khác	370.389.925	(362.944.000)	413.347.297	(362.944.000)
- Tạm ứng	-	-	7.727.881.172	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	36.538.000	-	82.460.540.800	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>36.537.600</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	-	-	36.537.600	-
<b>Cộng</b>	<b>29.062.637.484</b>	<b>(362.944.000)</b>	<b>123.969.063.924</b>	<b>(362.944.000)</b>

(\*) Trong đó lãi cho vay của Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc tại 31/12/2024 là 28.632.679.452 đồng (tại 01/01/2024 là 16.685.369.863 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, toà nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**10. NỢ XẤU**

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>						
- Công ty Cổ phần phát triển Phân bón Đình Vũ	59.740.825.000	-	(59.740.825.000)	59.740.825.000	-	(59.740.825.000)
- Công ty Cổ phần HAWINCO Phúc Minh	148.980.053	-	(148.980.053)	148.980.053	148.980.053	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển thương mại Thanh Nga Hà Nội	84.922.802	-	(84.922.802)	785.912.802	785.912.802	-
- Công ty TNHH Cơ điện ABBS Việt Nam	50.000.000	-	(50.000.000)	50.000.000	-	(50.000.000)
- Các đối tượng khác	362.944.000	-	(362.944.000)	362.944.000	-	(362.944.000)
<b>Cộng</b>	<b>60.387.671.855</b>	<b>-</b>	<b>(60.387.671.855)</b>	<b>61.088.661.855</b>	<b>934.892.855</b>	<b>(60.153.769.000)</b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng hóa	607.038.345	-	582.392.345	-
<b>Cộng</b>	<b>607.038.345</b>	<b>-</b>	<b>582.392.345</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2024	3.472.907.273	3.472.907.273
- Tăng khác	108.020.000	108.020.000
- Thanh lý, nhượng bán	(1.495.600.000)	(1.495.600.000)
31/12/2024	<u>2.085.327.273</u>	<u>2.085.327.273</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
01/01/2024	(1.037.716.102)	(1.037.716.102)
- Khấu hao trong năm	(276.914.703)	(276.914.703)
- Thanh lý, nhượng bán	592.008.353	592.008.353
31/12/2024	<u>(722.622.452)</u>	<u>(722.622.452)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2024	<u>2.435.191.171</u>	<u>2.435.191.171</u>
31/12/2024	<u>1.362.704.821</u>	<u>1.362.704.821</u>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.362.704.821 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 2.435.191.171 đồng).

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Dài hạn</b>	7.484.625.983	7.876.277.100
- Chi phí thuê văn phòng	7.484.625.983	7.876.277.100
<b>Cộng</b>	<u>7.484.625.983</u>	<u>7.876.277.100</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, toà nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>10.610.459.527</b>	<b>10.610.459.527</b>	<b>5.929.809.685</b>	<b>5.929.809.685</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại quốc tế Bình Minh Việt	9.400.537.380	9.400.537.380	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại và Đầu tư CDM	934.254.100	934.254.100	-	-
- Công ty Cổ phần Sunstar Bamboo Việt Nam	-	-	3.183.227.148	3.183.227.148
- Công ty Cổ phần Việt Nga Hòa Bình	-	-	2.312.340.000	2.312.340.000
- Các đối tượng khác	275.668.047	275.668.047	434.242.537	434.242.537
<b>Cộng</b>	<b>10.610.459.527</b>	<b>10.610.459.527</b>	<b>5.929.809.685</b>	<b>5.929.809.685</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.575.245.210</b>	<b>1.575.245.210</b>	<b>3.031.748.509</b>	<b>3.031.748.509</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hafa	1.550.000.000	1.550.000.000	2.316.950.000	2.316.950.000
- Khách hàng khác	25.245.210	25.245.210	714.798.509	714.798.509
<b>Cộng</b>	<b>1.575.245.210</b>	<b>1.575.245.210</b>	<b>3.031.748.509</b>	<b>3.031.748.509</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, toà nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	24.049.547	3.812.121.635	3.836.022.416	148.766
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	108.020.000	108.020.000	-
<b>Cộng</b>	<b>24.049.547</b>	<b>3.923.141.635</b>	<b>3.947.042.416</b>	<b>148.766</b>

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	250.000.000	-	-	250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>250.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>250.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, toà nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>6.707.800.000</b>	<b>6.707.800.000</b>	<b>59.409.000.000</b>	<b>128.892.556.800</b>	<b>76.191.356.800</b>	<b>76.191.356.800</b>
- <b>Vay ngắn hạn</b>	<b>6.527.200.000</b>	<b>6.527.200.000</b>	<b>59.228.400.000</b>	<b>128.587.648.800</b>	<b>75.886.448.800</b>	<b>75.886.448.800</b>
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ đô	-	-	-	41.879.648.800	41.879.648.800	41.879.648.800
+ Doanh nghiệp nước ngoài StaBOO Holding AG (1)	5.727.200.000	5.727.200.000	57.628.400.000	85.908.000.000	34.006.800.000	34.006.800.000
+ Ông Đỗ Đức Giang	-	-	800.000.000	800.000.000	-	-
+ Ông Đoàn Văn Lập (2)	800.000.000	800.000.000	800.000.000	-	-	-
- <b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>180.600.000</b>	<b>180.600.000</b>	<b>180.600.000</b>	<b>304.908.000</b>	<b>304.908.000</b>	<b>304.908.000</b>
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm (3)	180.600.000	180.600.000	180.600.000	255.600.000	255.600.000	255.600.000
+ Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (4)	-	-	-	49.308.000	49.308.000	49.308.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>86.434.750.000</b>	<b>86.434.750.000</b>	<b>85.908.000.000</b>	<b>180.600.000</b>	<b>707.350.000</b>	<b>707.350.000</b>
+ Doanh nghiệp nước ngoài StaBOO Holding AG (1)	85.908.000.000	85.908.000.000	85.908.000.000	-	-	-
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm (3)	526.750.000	526.750.000	-	180.600.000	707.350.000	707.350.000
<b>Cộng</b>	<b>93.142.550.000</b>	<b>93.142.550.000</b>	<b>145.317.000.000</b>	<b>129.073.156.800</b>	<b>76.898.706.800</b>	<b>76.898.706.800</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(1) Khoản vay doanh nghiệp Thụy Sĩ StaBOO Holding AG theo hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay số 01/SB-SJF ngày 28/04/2023 số tiền 500.000 CHF (Năm trăm nghìn Franc Thụy Sĩ) với lãi suất 2%/năm. Thời hạn vay đến 15/12/2023. Mục đích vay: Sử dụng cho hoạt động kinh doanh. Không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay số 02/SB-SJF ngày 25/08/2023 số tiền 700.000 CHF (Bảy trăm nghìn Franc Thụy Sĩ) với lãi suất 2%/năm. Thời hạn vay đến 15/12/2023. Mục đích vay: Sử dụng cho hoạt động kinh doanh. Không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay số 03/SB-SJF ngày 31/01/2024 số tiền 2.000.000 CHF (Hai triệu Franc Thụy Sĩ) với lãi suất 2%/năm. Thời hạn vay đến 31/03/2024. Mục đích vay: Sử dụng cho hoạt động kinh doanh. Không có tài sản đảm bảo.
- Theo thỏa thuận ngày 28/05/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương và ông Nguyễn Trọng Nghĩa (Bên vay) và StaBOO Holding AG (Bên cho vay), StaBOO Holding AG đồng ý gia hạn khoản vay với số tiền 3.000.000 CHF (Ba triệu Franc Thụy Sĩ) đến thời điểm 31/05/2034 với các điều khoản cụ thể như sau:
  - Bên vay phải hoàn trả số tiền 200.000 CHF (Hai trăm nghìn Franc Thụy Sĩ) của các khoản vay trước đây;
  - Bên cho vay được nhận 10% cổ phần của Công ty Cổ phần staBOO Thanh Hóa (Công ty mà ông Nguyễn Trọng Nghĩa nắm giữ cổ phần);
  - Khoản vay không tính lãi suất theo từng thời kỳ. Tuy nhiên, tại thời điểm khoản vay hết hạn (31/05/2034), bên vay (Công ty Cổ phần Sao Thái Dương và ông Nguyễn Trọng Nghĩa) phải có nghĩa vụ mua lại 10% cổ phần Công ty Cổ phần staBOO Thanh Hóa của bên cho vay (staBOO Holding AG).

(2) Hợp đồng vay mượn số 18.2024/HĐCV/STD-CN ngày 20/08/2024 số tiền 800.000.000 VND với lãi suất 2%/năm. Thời hạn vay 3 tháng. Mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Không có tài sản đảm bảo.

(3) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/6152035/HĐTD ngày 28/04/2020; Số tiền vay: 900.000.000 VNĐ. Mục đích vay: thanh toán tiền mua ô tô Vinfast LUX SA 2.0; Thời hạn vay: 48 tháng; lãi suất thả nổi. Tài sản thế chấp: Xe ô tô Vinfast LUX SA2.0, biển kiểm soát 30G-293.28.

(4) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 109.1029/2017/HĐTD-DN/PGBankHN ngày 20/06/2017. Hạn mức vay: 690.000.000 VNĐ; thời hạn vay: 84 tháng; lãi suất: 8,49%/năm trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Mục đích vay: Thanh toán 1 phần tiền mua xe ô tô Chevrolet Colorado 2.8 LTZ MY17. Tài sản đảm bảo: Quyền sở hữu và quyền thụ hưởng bảo hiểm của xe ô tô tải Pick up cabin kép màu đen, nhãn hiệu Chevrolet biển kiểm soát: 29C-767.73.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.423.022.817</b>	<b>332.125.169</b>
- Trích trước chi phí lãi vay	2.030.548.151	332.125.169
- Thù lao Hội đồng Quản trị	372.000.000	-
- Các khoản trích trước khác	20.474.666	-
<b>Cộng</b>	<b>2.423.022.817</b>	<b>332.125.169</b>

**19. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>25.619.977</b>	<b>-</b>
- Bảo hiểm xã hội	9.619.977	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.000.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>9.800.000.000</b>	<b>-</b>
- Ông Đoàn Văn Lập (*)	4.300.000.000	-
- Ông Lò Văn Linh (*)	3.000.000.000	-
- Ông Vì Văn Dương (*)	2.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.825.619.977</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản tiền mà các cá nhân đặt cọc bằng tiền mặt để mua đất tại xã Chiềng Châu, huyện Mai châu, Tỉnh Hòa bình.

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>01/01/2023</b>	<b>792.000.000.000</b>	<b>11.030.674.183</b>	<b>803.030.674.183</b>
- Lỗ trong năm trước	-	(304.451.941.864)	(304.451.941.864)
<b>31/12/2023</b>	<b>792.000.000.000</b>	<b>(293.421.267.681)</b>	<b>498.578.732.319</b>
<b>01/01/2024</b>	<b>792.000.000.000</b>	<b>(293.421.267.681)</b>	<b>498.578.732.319</b>
- Lãi trong năm nay	-	4.480.447.105	4.480.447.105
<b>31/12/2024</b>	<b>792.000.000.000</b>	<b>(288.940.820.576)</b>	<b>503.059.179.424</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
- Ông Đỗ Cần	70.700.800.000	8,93%	70.700.800.000	8,93%
- Vốn góp các cổ đông khác	721.299.200.000	91,07%	721.299.200.000	91,07%
<b>Cộng</b>	<b>792.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>792.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	792.000.000.000	792.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	792.000.000.000	792.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**20.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	79.200.000	79.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	79.200.000	79.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.200.000	79.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	79.200.000	79.200.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**21. DOANH THU BÁN HÀNG**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>38.082.593.009</b>	<b>91.552.472.068</b>
- Doanh thu bán hàng	38.082.593.009	91.552.472.068
<b>Cộng</b>	<b>38.082.593.009</b>	<b>91.552.472.068</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Giá vốn hàng hóa đã bán	37.002.447.000	90.687.701.064
<b>Cộng</b>	<b>37.002.447.000</b>	<b>90.687.701.064</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.879.147.350	17.257.465.050
<b>Cộng</b>	<b>12.879.147.350</b>	<b>17.257.465.050</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí lãi vay	2.377.087.322	4.007.080.288
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.208.400.000	1.672.267.718
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	2.105.207.708	283.815.585.911
<b>Cộng</b>	<b>6.690.695.030</b>	<b>289.494.933.917</b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.101.415.700	982.800.400
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	276.914.703	245.093.759
- Thuế, phí và lệ phí	3.569.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	233.902.855	30.283.356.500
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	894.371.249	783.352.585
- Chi phí bằng tiền khác	-	781.640.757
<b>Cộng</b>	<b>2.510.173.507</b>	<b>33.079.244.001</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí nhân công	1.101.415.700	982.800.400
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	276.914.703	245.093.759
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	897.940.249	786.352.585
- Dự phòng phải thu khó đòi	233.902.855	30.283.356.500
- Chi phí bằng tiền khác	-	781.640.757
<b>Cộng</b>	<b>2.510.173.507</b>	<b>33.079.244.001</b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	46.408.353	-
<b>Cộng</b>	<b>46.408.353</b>	<b>-</b>

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Các khoản bị phạt	267.500.000	-
- Các khoản chi phí khác	56.886.070	-
<b>Cộng</b>	<b>324.386.070</b>	<b>-</b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.480.447.105</b>	<b>(304.451.941.864)</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>267.500.000</b>	<b>147.206.327.718</b>
- Dự phòng các khoản đầu tư	-	147.198.660.000
- Các khoản chi phí (phạt)	267.500.000	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	7.667.718
<b>Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>7.667.718</b>	<b>-</b>
- Lỗi chênh lệch tỷ giá năm trước	7.667.718	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>4.740.279.387</b>	<b>(157.245.614.146)</b>
Chuyển lỗ	(4.740.279.387)	-
<b>Tổng thu nhập tính thuế trong năm</b>	<b>-</b>	<b>(157.245.614.146)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**30. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm 2024, Công ty có phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	Công ty con

**Giao dịch với bên liên quan**

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Công ty Cổ phần BWG Mai Châu</b>		
- Mua hàng hóa	62.040.000	72.600.000
- Thanh toán tiền mua hàng hóa	94.506.132	48.500.000

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát:**

<u>STT</u>	<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
			<u>VND</u>	<u>VND</u>
1	Ông Nguyễn Trí Thiện	Chủ tịch	189.024.000	134.400.000
2	Ông Nguyễn Xuân Nam	Thành viên HĐQT	176.400.000	116.400.000
3	Ông Đặng Văn Hoá	Thành viên HĐQT	60.000.000	-
4	Ông Nguyễn Công Khải	Thành viên HĐQT	30.000.000	-
5	Ông Yoshiro Komiyama	Thành viên HĐQT	30.000.000	-
6	Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT	30.000.000	-
7	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	107.600.000	-
8	Ông Nguyễn Xuân Nam	Phó Tổng Giám đốc		-
9	Bà Nguyễn Thị Minh	Trưởng Ban kiểm soát	24.000.000	-
10	Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên Ban kiểm soát	46.855.800	-
11	Bà Đỗ Như Ngọc	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	-

**31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**32. THÔNG TIN KHÁC**

Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đã ra Quyết định hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty số 597/QĐ-SGDHCM ngày 25/10/2024, ngày hủy niêm yết có hiệu lực 01/11/2024 và ngày giao dịch cuối cùng cổ phiếu SJF tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là ngày 10/11/2023.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

Tại ngày 06/11/2024, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra quyết định số 1188/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch 79.200.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (mã chứng khoán: SJF) tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngoài ra, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã đưa ra thông báo số 4911/TB-SGDHN về việc chính thức đưa 79.200.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương vào giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 13/11/2024 đồng thời đưa vào diện đình chỉ giao dịch theo quyết định số 1189/QĐ-SGDHN ngày 06/11/2024.

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**Bùi Thị Ngọc Huyền**



**Bùi Thị Ngọc Huyền**



**Nguyễn Trí Thiện**

ẤN QUẢN LÝ